

MỤC LỤC

I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	2
1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến.....	2
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.....	2
3. Thời gian, đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
3.1. Thời gian nghiên cứu.....	3
3.2. Đối tượng nghiên cứu.....	3
3.3. Phạm vi nghiên cứu.....	3
II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN.....	3
1. Hiện trạng của vấn đề nghiên cứu.....	3
2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề.	5
2.1. Biện pháp 1: Cách vận dụng phương pháp quan sát.....	6
2.2. Biện pháp 2: Cách vận dụng phương pháp phân tích, tổng hợp.....	7
2.3. Biện pháp 3: Cách vận dụng phương pháp trực quan.....	7
2.4. Biện pháp 4: Cách vận dụng phương pháp hệ thống lại câu hỏi	8
2.5. Biện pháp 5: Cách vận dụng phương pháp trò chơi học tập.....	9
2.6. Biện pháp 6: Cách vận dụng phương pháp thảo luận nhóm	10
2.7. Biện pháp 7: Cách vận dụng phương pháp gợi mở vấn đáp.....	11
2.8. Biện pháp 8: Cách vận dụng phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề..	12
3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến.....	13
4. Hiệu quả của sáng kiến.....	14
4.1. Hiệu quả về khoa học	14
4.2. Hiệu quả về kinh tế	14
4.3. Hiệu quả về xã hội.....	14
5. Đánh giá về tính mới và khả thi.....	15
6. Phạm vi ảnh hưởng của giải pháp.....	15
III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT.....	15
1. Kết luận.....	15
2. Đề xuất, kiến nghị.....	16
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến.

Vấn đề phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong giờ Tiếng Việt cho học sinh không phải đến bây giờ mới được đề cập đến. Mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy “Tiếng nói là thứ của cải lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”. Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã nói: “Trường học có trách nhiệm lớn lao trong việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt. Phải làm cho thế hệ trẻ nói và viết tốt hơn chúng ta”. Muốn thực hiện được lời dạy đó, trường Tiểu học cần phải có cách tổ chức, phương pháp dạy học hợp lý và tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Việt, giúp học sinh sử dụng thành thạo Tiếng Việt. Như chúng ta đã biết chương trình môn Tiếng Việt bậc Tiểu học nói chung và lớp 1 nói riêng yêu cầu coi trọng cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong dạy học Tiếng Việt. Trong đó 2 kỹ năng nghe - nói đã được quan tâm một cách thỏa đáng. Thông qua các hoạt động sẽ giúp các con mạch dạn hơn, tự tin hơn trong giao tiếp. Biết nói năng lưu loát rõ ràng, có nội dung, có lô gích, có hình ảnh, đúng ngữ pháp Tiếng Việt và giúp học sinh có khả năng sử dụng các loại câu phong phú trong lời nói. Đặc biệt là kỹ năng sử dụng các trợ từ, liên từ.. lời nói có sắc thái biểu cảm, có khả năng sử dụng từ đúng nghĩa trong từng hoàn cảnh phát ngôn. Đồng thời qua đó, học sinh có cơ hội để thể hiện những tâm tư tình cảm và nuôi dưỡng những ước mơ hoài bão của mình. Thông qua đó giáo viên nắm bắt được mức độ phát triển tư duy của từng học sinh ở từng giai đoạn cụ thể. Ý thức được vai trò của việc sử dụng ngôn ngữ biểu cảm trong giao tiếp, thể hiện được nếp sống thanh lịch văn minh tôi đã lựa chọn và nghiên cứu đề tài: ***“Một số biện pháp giúp học sinh lớp Một phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác tốt qua môn Tiếng Việt”***.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài.

- Nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Việt lớp 1 theo hướng phát triển năng lực cho học sinh.
- Giúp HS thêm yêu thích môn Tiếng Việt - Học sinh mạnh dạn trong giao tiếp, hợp tác với bạn bè nói chung và có ý thức tự phê, tự sửa chữa, tự đánh giá.
- GV tìm ra những biện pháp phù hợp nhằm giúp trẻ phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua các tiết Học vần và tập đọc. Trước tiên sẽ giúp học sinh có kỹ năng giao tiếp phù hợp, tiếp đó là rèn những kỹ năng, thói quen dùng lời nói biểu cảm trong giao tiếp, hợp tác nhằm giúp HS phát huy tối đa năng lực cá nhân.

- HS có kĩ năng trong giao tiếp và hợp tác tốt nâng cao tính tự giác trong học tập.

- Giúp học sinh có lời nói hay, cử chỉ đẹp và thể hiện nếp sống thanh lịch văn minh. Và hơn thế nữa giáo dục các em biết giữ gìn và phát huy sự trong sáng của Tiếng Việt.

3. Thời gian, đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

3.1. Thời gian nghiên cứu:

- Thời gian nghiên cứu đề tài từ tháng 9/ 2023 đến tháng 4/ 2024.

3.2. Đối tượng nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu là một số biện pháp giúp học sinh lớp Một phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác tốt qua môn Tiếng Việt.

3.3. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi nghiên cứu là chương trình học môn Tiếng Việt lớp 1.
- Nội dung nghiên cứu về: Mạch kiến thức thực hiện là năng lực giao tiếp và hợp tác trong môn Tiếng Việt.

II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng của vấn đề nghiên cứu.

Muốn giúp trẻ phát triển năng lực giao tiếp hợp tác tốt qua môn Tiếng Việt, trước tiên cần phải nắm được yêu cầu kĩ năng nói đối với học sinh lớp Một. Sau đó thống kê nội dung môn học nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong giờ Học Vần và Tập đọc của chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt lớp Một. Cụ thể:

**Chương trình sách giáo khoa mới rất chú trọng phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh, đặc biệt là môn Tiếng Việt.*

+ Phần Học Vần: Ở bất cứ bài nào cũng có phần làm quen và phần mở rộng vốn từ (Tìm tiếng có vần vừa học). Xuyên suốt nội dung chương trình học yêu cầu HS cần nói rõ ràng, thành câu, biết nhìn vào người nghe khi nói. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã học, xem hoặc nghe (dựa vào tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh), biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Thông qua đó giúp học sinh cảm nhận được cái hay, cái đẹp của tác phẩm, nhân vật, hình ảnh, bồi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ cho các em, giúp học sinh phát triển ngôn ngữ năng lực giao tiếp, hợp tác ngay từ khi bắt đầu đi học.

* Về yêu cầu kỹ năng nói đối với học sinh lớp 1:

- Phát âm:

+ Phát âm đúng, rõ các âm, vần và tiếng được học (trừ các tiếng có vần khó ít dùng) và chữa các lỗi về phát âm theo hướng dẫn của giáo viên.

+ Phát âm liền mạch một lời nói (không lặp, không thiếu tiếng), biết nói to đủ nghe trong giờ học tiếng Việt và các giờ học khác.

- Diễn đạt bằng lời nói:

+ Nói trong hội thoại: Trả lời các câu hỏi về vật, người, hành động, tính chất: Tập trả lời các câu hỏi: ai? cái gì?, việc gì?, làm gì?, làm sao?, như thế nào? thuộc phạm vi trường, lớp, gia đình và môi trường xung quanh. Đặt câu hỏi có sử dụng từ để hỏi: ai, cái gì, làm gì, như thế nào? Dùng từ xưng hô khi xưng hô với người trong gia đình, với thầy cô giáo, bạn bè và những người gần gũi: luyện tập xưng hô với các đối tượng ở lớp, trường trong khi học và chơi. Chào, hỏi, mời, nhờ, yêu cầu bằng một vài cách theo nghi thức lời nói.

+ Nói thành đoạn: Giới thiệu về mình, về người thân, về đồ vật, con vật quen thuộc bằng 2-3 câu liên tục: tập kể về ông bà, bố mẹ, anh chị..., tập kể về động vật, cây cối, các hiện tượng thiên nhiên...

Kể lại một câu chuyện đơn giản chỉ có một tình tiết với sự hỗ trợ của văn bản, của tranh liên hoàn và các câu hỏi gợi ý.

Một thực tế rất đáng quan tâm đối với trẻ bước vào Tiểu học, đó là vốn từ của các con còn rất hạn chế, khả năng diễn đạt ngôn ngữ chưa chính xác, diễn đạt không thoát ý làm cho người nghe không hiểu hết ý trẻ muốn nói. Nếu giáo viên và gia đình không quan tâm đúng mức dần dần sẽ khiến trẻ ngại giao tiếp, giao tiếp kém hoặc có thì nói năng cộc lốc, không biết cách diễn đạt hết ý của mình. Nghiên cứu thực trạng trẻ lớp Một hiện nay đã có kiến thức, ý thức ra sao trong giao tiếp hàng ngày, cũng như sự bày tỏ quan điểm nhận thức của bản thân trước những vấn đề mà trẻ phải tự bộc lộ qua lời nói, lời phát biểu trả lời theo nội dung bài học và sự giao tiếp với mọi người xung quanh ở trường, ở lớp. Tôi đã tiến hành điều tra khảo sát thực tế 98 học sinh của 3 lớp Một, tại trường Tiểu học Phong Vân. Qua trải nghiệm của bản thân và qua dự giờ, thăm lớp trong nhiều năm tôi thấy giáo viên không chú ý đầu tư thời gian, trí tuệ cho việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác trong các giờ học vần và giờ tập đọc. Trong công tác kiểm tra đánh giá chúng ta chỉ kiểm tra kỹ năng đọc và viết, kỹ năng nói chỉ thể hiện ở một phần rất nhỏ đó là yêu cầu trả lời câu hỏi trong phần đọc. Chính vì thế mà nhiều học sinh không tự tin khi nói, sợ nói sai các bạn cười...Lâu dần sẽ ảnh hưởng tới kỹ năng giao tiếp của trẻ. Thông qua thực tế lớp chủ nhiệm và đồng nghiệp trong khối, chúng tôi đều có chung nhận xét là trẻ nói

năng không lưu loát, mạch lạc thường rơi vào những trẻ trầm tính, ít nói có khi là rất ngại nói trước đông người. Nếu gọi trẻ nói thì thường nói nhỏ, không tự tin và cô phải sửa rất nhiều. Đây chính là cốt lõi vấn đề vì sao năng lực giao tiếp và hợp tác của trẻ còn hạn chế. Trước khi đến trường trẻ đã: “biết nghe, biết nói” Tiếng Việt, song chưa diễn đạt thoát ý và dùng từ chưa phù hợp với văn cảnh. Vốn ngôn ngữ tiếp nhận được trước khi đến trường còn ít ỏi..., vốn sống còn rất non nớt, mà học sinh lớp Một lần đầu tiên được tiếp xúc với chữ cái, học âm - vần, luyện nói thành câu. Do vốn từ còn ít, khả năng diễn đạt còn hạn chế nên khi học Tiếng Việt là một trở ngại không nhỏ đối với các con.

Khi khảo sát tôi thấy số trẻ nói năng chưa mạch lạc, rõ nghĩa chiếm một tỉ lệ tương đối lớn. Số liệu cụ thể tại lớp 1A tôi chủ nhiệm là:

Số trẻ được điều tra \ Mức độ	Giao tiếp và hợp tác rất tốt		Giao tiếp và hợp tác khá tốt		Biết giao tiếp và hợp tác		Giao tiếp và hợp tác còn hạn chế	
	Sl	%	Sl	%	Sl	%	Sl	%
31	3	9,7	7	22,6	9	29	12	38,7

Qua phiếu điều tra và trực tiếp trao đổi với phụ huynh học sinh cũng như trao đổi với các đồng chí giáo viên chủ nhiệm lớp trong khối tôi thấy rất rõ rằng số trẻ nói năng chưa mạch lạc chủ yếu rơi vào những trẻ thiếu các hình thức khẩu ngữ mang tính chuẩn mực, trẻ ít có điều kiện để thực hành ngôn ngữ. Những trẻ này ít có điều kiện trò chuyện giao tiếp với bạn bè cũng như với người lớn. Khi được hỏi, những bậc cha mẹ của các trẻ này thường trả lời là ít khi đọc truyện hoặc kể chuyện cho con nghe hoặc là họ không có thời gian trò chuyện chơi với con vì công việc quá bận rộn hoặc không có thói quen này. Có gia đình lại nhờ giúp việc trông nom trẻ nên trẻ ít được giao tiếp với bên ngoài. Mặt khác học sinh lớp Một chưa tự lập nhiều, khả năng nhìn nhận, quan sát sự việc xung quanh rất đơn giản. Xuất phát từ thực trạng trên mà tôi luôn băn khoăn, trăn trở phải làm như thế nào để giúp trẻ khắc phục được những khó khăn này.

2. Giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề.

Như phần đầu tôi đã nêu, thông qua các hoạt động trong giờ học nói chung và đặc biệt là qua giờ Tiếng Việt trẻ sẽ dần dần biết nói năng lưu loát rõ ràng, có logic có hình ảnh và đúng ngữ pháp Tiếng Việt. Tóm lại là sẽ phát triển lời nói mạch lạc trong giao tiếp hợp tác cho trẻ. Vì thế để đánh giá mức độ phát triển lời nói mạch lạc của trẻ cần dựa vào những tiêu chí cụ thể. Qua thực tế giảng dạy tôi đã xây dựng được 4 tiêu chí đánh giá mức độ phát triển ngôn ngữ của trẻ như sau:

+ Kỹ năng hiểu nghĩa từ

- + Kỹ năng sử dụng từ để nói thành câu
- + Kỹ năng kể lại chuyện vừa nghe
- + Kỹ năng quan sát tranh tự miêu tả bằng ngôn ngữ những hình ảnh trong tranh .

Trong thực tế giảng dạy giáo viên chúng ta đã sử dụng rất nhiều các phương pháp dạy học. Nhưng sử dụng phương pháp nào cho từng hoạt động cụ thể để đạt kết quả cao nhất thì đó lại là cả một vấn đề trăn trở. Sau đây tôi xin đưa ra một số cách sử dụng các phương pháp dạy học rất quen thuộc, nhưng tôi đã khéo léo sử dụng và kết hợp các phương pháp ở từng nội dung, từng phần trong bài học và tôi nhận thấy đã có hiệu quả rõ rệt trong giờ dạy của mình. Sau đây là một số giải pháp nhằm ***“Một số biện pháp giúp học sinh lớp Một phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác tốt qua phân môn Tiếng Việt”***.

2.1. Biện pháp 1: Cách vận dụng phương pháp quan sát

* **Mục tiêu:** Phương pháp này được sử dụng rộng rãi trong dạy học, nhằm quan sát giờ dạy của giáo viên và học tập của học sinh trên lớp. Đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua những lời phát biểu của học sinh trong giờ của mỗi tiết học, qua lời nói của học sinh với mọi người xung quanh mọi nơi, mọi lúc qua các bài tập thực hành trong vở Luyện tập Tiếng Việt.

* **Cách thực hiện:** Ngoài những sổ sách do nhà trường quy định, giáo viên có thêm một quyển sổ ghi chép những điều quan sát, nhận xét từng học sinh trong lớp. Đó là cuốn sổ ***“Theo dõi đánh giá hành vi học sinh”***. Trong cuốn sổ này, giáo viên ghi chép những hành vi, lời nói giao tiếp, những thói quen tốt và cả những điểm còn khiếm khuyết của học sinh, để từ đó có cái nhìn khái quát về việc sử dụng vốn ngôn ngữ biểu cảm của học sinh. Từ đó giáo viên dễ dàng phân loại khả năng giao tiếp của từng học sinh trong lớp, qua đó lập kế hoạch bồi dưỡng nâng cao cho học sinh giỏi và học sinh xuất sắc. Luyện kỹ năng nói sao cho đạt trình độ chuẩn cho học sinh khá và học sinh trung bình. Quan sát phản ánh rất trung thực tình trạng của học sinh.

* **Hiệu quả:** Ưu điểm của phương pháp này là sau khi phân loại học sinh, giáo viên chọn lọc những câu hỏi, câu gợi mở sao cho phù hợp với từng đối tượng học sinh để các con có thể tự tin phát huy hết khả năng giao tiếp của bản thân trong phân môn Tiếng Việt cũng như các môn khác và trong cuộc sống. Giúp trẻ nâng cao năng lực giao tiếp và hợp tác. Một trong những kỹ năng sống cực kì quan trọng mà thông tư 27 đã yêu cầu học sinh phải có.

2.2. Biện pháp 2: Cách vận dụng phương pháp phân tích, tổng hợp

* **Mục tiêu:** Qua những ghi chép cá nhân của giáo viên và những số liệu thống kê, giáo viên xử lý những thông tin ấy bằng cách phân tích, tổng hợp

những mẫu lời nói thu thập được từ phía học sinh. Từ đó có thể có sự đánh giá sát thực hơn về tình trạng học sinh.

* **Cách thực hiện:** Giáo viên tiến hành phân nhóm đối tượng học sinh như sau:

- Nhóm học sinh có năng lực giao tiếp và hợp tác tốt lời nói lưu loát, mạch lạc. Biết thể hiện lời nói biểu cảm trong giao tiếp. Đây chính là những nhóm trưởng, những người dẫn chương trình trong các giờ học trên lớp, những nhân vật nòng cốt trong các tiểu phẩm của các tiết Tiếng Việt mà học sinh tham gia rèn luyện kỹ năng giao tiếp trên lớp.

- Nhóm học sinh có lời nói tương đối trôi chảy, rõ ràng tuy nhiên chưa thể hiện được lời nói biểu cảm trong giao tiếp một cách rõ nét.

- Nhóm học sinh ngại giao tiếp, khả năng giao tiếp kém, hầu như không biết sử dụng lời nói biểu cảm trong giao tiếp. Sau khi phân tích đặc điểm cũng như khả năng giao tiếp của từng học sinh trong lớp, giáo viên tiến hành sắp xếp chỗ ngồi cho học sinh sao cho phân bố đều khắp 3 đối tượng học sinh nêu trên trong các tổ, các nhóm.

* **Hiệu quả:** Ưu điểm của biện pháp này là sự tương trợ lẫn nhau trong quá trình học tập của học sinh là việc làm hết sức bổ ích và mang tính khả quan. Như ta từng nói: “Học thầy không tày học bạn”. Sự phấn khích trong quá trình học tập, đua thầy, đua bạn sẽ giúp trẻ mạnh dạn năng động hơn rất nhiều trong quá trình rèn nói. Sự cổ vũ động viên của các bạn trong nhóm, trong tổ sẽ giúp trẻ tự tin hơn trước lời phát biểu của mình.

2.3. Biện pháp 3: Cách vận dụng phương pháp trực quan **(tranh minh họa, mẫu phát ngôn)**

* **Mục tiêu:** Phương pháp sử dụng trực quan này giáo viên là người hướng dẫn học sinh quan sát tranh minh họa, đọc phát ngôn. Từ đó, học sinh hiểu được nội dung và thực hiện tạo lập lời nói. Ngoài ra, từ mẫu quan sát đó, giáo viên có thể đặt những câu hỏi gợi ý xung quanh đề tài, từ gợi ý phát ngôn mẫu để hướng học sinh thực hành.

* **Cách thực hiện:** Tôi thường nghiên cứu kỹ bài dạy - xác định những kiến thức cần cung cấp trong bài - liên hệ để vận dụng cách tạo tiếng, tạo câu có âm, có vần mới học nhằm tận dụng tối đa dụng ý bài

- *Cụ thể ở giai đoạn đầu (10 tuần đầu)* : Khi dạy tôi thường đặt câu hỏi để hướng dẫn học sinh nói theo các khía cạnh của chủ đề nhằm mở rộng nội dung bài học (Với mỗi khía cạnh của chủ đề tôi có thể xây dựng 1, 2 câu hỏi). Giúp học sinh chuyển tải kênh hình sang kênh tiếng một cách linh hoạt- cụ thể mà vẫn đảm bảo nội dung theo chủ đề.

Ví dụ 1: Bài 38: ai, ay, ây (Trang 88,89 SGK TV tập 1) Để phát huy trí tưởng tượng và óc sáng tạo của HS, tôi cho HS hoạt động nhóm. Sau khi luyện đọc bài xong. Các con sẽ cùng nhau chia sẻ nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình bằng cách đặt và trả lời câu hỏi:

- + Chuyện gì xảy ra với Hà?
- + Em Thử đoán xem tại sao Hà lại va phải người khác?
- + Theo em Hà sẽ nói gì với người đó?...

Trong khi dạy tôi thường xuyên sử dụng đồ dùng trực quan và kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học, tận dụng mô hình, tranh ảnh vẽ, sưu tầm... Để học sinh quan sát - thông qua hiệu ứng quan sát tranh, trẻ sẽ diễn đạt đúng và phong phú hơn, nhằm giúp học sinh có hứng thú và tiếp thu bài theo hướng tích cực nhất. Minh chứng (hình 1)

Ví dụ 2: Hỏi nhau về trường, lớp

Mẫu: Bạn học lớp nào? (Tôi học lớp 1A).

GV hướng dẫn học sinh quan sát mẫu: Bạn nhỏ đã hỏi bạn của mình điều gì?

Sau đó, gợi ý học sinh hỏi nhau về các nội dung khác thông qua các gợi ý:

- + Có cách hỏi nào khác nữa không?
- + Muốn biết bạn con học trường nào, các con sẽ hỏi sao?
- + Muốn biết trường của bạn con ở đâu, chúng ta sẽ hỏi thế nào?
- + Muốn biết bạn con học ở trường thế nào, bạn hỏi ra sao?

Theo tôi nên đặt những câu hỏi gợi ý như vậy để học sinh nói dần, không nên đưa sẵn câu hỏi, học sinh chỉ làm nhiệm vụ trả lời câu hỏi.

- *Ở giai đoạn giữa học kì 1:* Lúc này tôi chỉ cần yêu cầu học sinh quan sát tranh, sau đó các con sẽ tự đặt câu hỏi (học sinh khá, giỏi) yêu cầu bạn trả lời.

* ***Hiệu quả:*** Khi học sinh được tự mình đặt câu hỏi và gợi bạn trả lời tôi thấy vốn từ cũng như cách diễn đạt của các con tiến bộ lên một cách rõ rệt và nhanh chóng. Sau đó tôi cho học sinh tập liên kết diễn đạt các câu văn thành đoạn văn về một chủ đề theo yêu cầu. Trong quá trình dạy tôi luôn xoáy vào 4 tiêu chí trên để xây dựng nền tảng giúp các con phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác. Tôi sử dụng phương pháp trực quan giúp trẻ hiểu nghĩa của từ một cách nhanh chóng và nhớ lâu.

2.4. Biện pháp 4: Cách vận dụng phương pháp hệ thống lại câu hỏi

* ***Mục tiêu:*** Sách giáo viên thiết kế hệ thống câu hỏi để giáo viên vận dụng trong giờ giảng. Tuy nhiên hệ thống câu hỏi có nhiều hạn chế. Mặt khác, có những nội dung câu hỏi không có câu hỏi hướng dẫn, gợi ý nên cần phải xây dựng thêm hệ thống câu hỏi để giúp giáo viên và học sinh thực hiện tốt bài học.

*** Cách thực hiện:**

Ví dụ: Bài 74: oa - oe (Trang 160 – 161 - SGKTV tập 1)

Chủ đề luyện nói: Muôn hoa khoe sắc.

Gọi tên các loài hoa trong ảnh và nói về vẻ đẹp của các loài hoa đó

- + Hãy kể tên các loài hoa trong ảnh?
- + Hoa đào có đặc điểm gì?
- + Hoa Lan có màu sắc như thế nào ?
- + Hoa sen, hương có mùi thơm không?
- + Bông hoa hồng có hình dáng ra sao?
- + Bông hoa cúc có màu gì?
- + Hoa phượng có màu gì? Nở vào mùa nào?
- + Loài hoa nào là biểu tượng Quốc hoa Việt nam?
- + Con thích loài hoa nào nhất ? Vì sao?
- + Người ta trồng hoa để làm gì ? Con cần làm gì để bảo vệ và chăm sóc vườn hoa?

- HS khá giỏi tôi cho các con nói liên kết các câu lại thành một đoạn văn nói về loài hoa mà mình thích. Hình ảnh minh chứng thể hiện qua (Hình 2) – Muôn hoa khoe sắc.

2.5. Biện pháp 5: Cách vận dụng phương pháp trò chơi học tập

*** Mục tiêu:** Trò chơi là hoạt động của con người nhằm mục đích trước tiên và chủ yếu là vui chơi, giải trí, thư giãn sau những giờ làm việc mệt mỏi, căng thẳng. Đối với học sinh lớp Một nói riêng và học sinh Tiểu học nói chung thì trò chơi học tập có vai trò rất quan trọng trong việc lĩnh hội tri thức đối với trẻ. Vì lẽ đó, trong quá trình dạy học các nhà sư phạm nhận thấy rằng nếu biết kết hợp học và vui chơi một cách hợp lý sẽ tạo được hiệu quả học tập cao mà không gây ra sự căng thẳng, mệt mỏi, nhàm chán cho học sinh, đặc biệt là lứa tuổi HS lớp Một.

*** Cách thực hiện:**

Ví dụ: Trò chơi tiếp sức: “Hái quả”

GV có thể tổ chức trò chơi học tập “Thi hái quả”: Cuộc thi diễn ra giữa hai đội (mỗi đội khoảng 3-4 học sinh). Hai đội bốc thăm để giành quyền hái trước. Hai đội luân phiên nhau hái quả có vần **et**, **ê** hoặc **it** đưa về rổ của đội mình. Sau mỗi lượt chơi của đội sẽ có thành viên trong đội lần lượt đọc lại các tiếng ở trên các quả trong rổ mà đội mình hái được theo các lượt chơi từ thành viên thứ nhất cho đến thành viên cuối cùng rồi quay trở lại. Đội nào hái đúng, đọc đúng và được nhiều quả hơn sẽ giành phần thắng. Hình ảnh minh chứng thể hiện (Hình 3).

Ví dụ: Bài 79: Ôn tập- kể chuyện(Trang 162, 163 SGK TV tập 1)

Trò chơi: Thi nói tiếp từ còn thiếu để hoàn thành sơ đồ tóm tắt truyện

Bài tập đọc “Giải thưởng tình bạn (trang 16 SGK TV tập 2)

Ví dụ: Bài Tập đọc: Sinh nhật của voi con (Trang 20 SGK TV tập 2)

- Vì sao sinh nhật của voi con, voi con lại rất buồn?
- Nếu em là Thỏ, Gấu, Khỉ em sẽ làm gì? Chọn ý trả lời em thích:
- + Vì voi con bị ốm.
- + Khuyên voi đừng buồn vì chúng mình đến chúc mừng sinh nhật bạn.
- + Ý kiến khác:
- Nói lời voi con cảm ơn các bạn.
- Nâng cao: Kể lại cho người thân nghe câu chuyện “Sinh nhật của voi con”.

* **Hiệu quả:** Hiệu quả của bài này là nhằm giúp học sinh phát triển lời nói tự nhiên, rèn trí tưởng tượng, khả năng dùng từ đặt câu, bước đầu biết miêu tả con vật, qua đó cung cấp vốn hiểu biết về tự nhiên (thế giới động vật).

2.6. Biện pháp 6: Cách vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

* **Mục tiêu:** Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm nhằm hình thành ở học sinh khả năng giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, khả năng hợp tác, khả năng thích ứng và khả năng độc lập suy nghĩ. Khi tổ chức dạy học bằng phương pháp thảo luận nhóm, giáo viên có cơ hội tận dụng những ý kiến và hiểu biết của học sinh. Khi làm việc theo nhóm học sinh có ưu thế hơn hẳn so với khi làm việc độc lập.

* **Cách thực hiện:** Sau khi hỏi nhau trong nhóm, giáo viên gọi từng cặp học sinh đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Có thể có nhóm có hai cặp cùng trình bày. Hoạt động nhóm được thể hiện qua (Hình 4)

Ví dụ: Ở bài 19: ng, ngh (Trang 50,51 SGK TV tập 1)

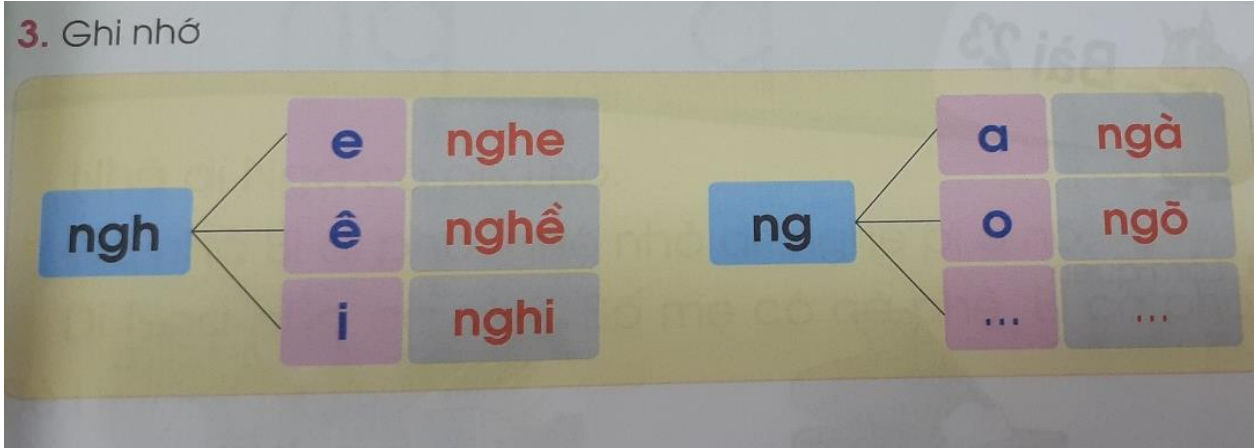
Yêu cầu học sinh quan sát tranh, đặt câu hỏi phát vấn để nhận ra đồ vật trong tranh và viết chữ ghi tên các đồ vật đó. Hình ảnh minh chứng (hình 5,6).

Giáo viên giúp học sinh nêu nội dung bài bằng cách đàm thoại:

- Trong tranh có những hình ảnh gì? Quả bí ngô có hình dạng ra sao? Để làm gì? Hoặc con nhìn thấy củ nghệ bao giờ chưa? Củ nghệ có màu gì? Người ta dùng củ nghệ để làm gì?...

-Tôi cho học sinh học theo hình thức thảo luận nhóm để tìm tiếng có chữ **ng, ngh** nhằm mở rộng vốn từ cho học sinh.

Qua đó rút ra quy tắc chính tả: **viết ngh với e, ê, i, viết ng với a, o, ô, ơ...**



- Có yêu cầu tăng dần đối với kỹ năng diễn đạt của trẻ theo thời gian và dung lượng bài học. Đối với học sinh khá, giỏi tôi cho các con tự trao đổi, thảo luận nhóm để sau đó rút ra chủ đề và nội dung bài.

* **Hiệu quả:** Thực tế giảng dạy đã chứng minh phương pháp thảo luận nhóm là phương pháp quan trọng nhất và đạt hiệu quả cao nhất trong việc giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác. Và thành công hơn nữa là thông qua thảo luận nhóm, giúp các con rút ra được hành vi đạo đức, cách ứng xử phù hợp cho mình, cho bạn. Thông qua hoạt động nhóm sẽ tạo điều kiện cho trẻ phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác. Tuy nhiên để giúp trẻ phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác mà chỉ ở hoạt động nhóm là chưa đủ mà người giáo viên cần phải chú trọng rèn cho trẻ ở mọi nơi, mọi lúc ...và tạo cho học sinh có được môi trường giao tiếp chuẩn mực, lễ độ với tất cả mọi người.

Ví dụ: Với bạn: Hà ơi – cho mình mượn bút nhé!

Với Giáo viên: Thưa cô! Cô cho con đi ra mượn bút ạ!

Với mẹ: Mẹ ơi con đi học về rồi mẹ ạ. Tránh nói: Con đi học về!

Với xã hội: Thưa bác, mẹ cháu đi vắng ạ!

Tránh để học sinh nói tắt, nói cụt mà thành không lễ phép... Vì thế người giáo viên luôn tạo không khí cởi mở và hào hứng để khích lệ học sinh tham gia giao tiếp bằng nhiều hình thức. Không áp chế hoặc phê bình học sinh nếu các con nói hoặc diễn đạt chưa tốt.

2.7. Biện pháp 7: Cách vận dụng phương pháp gợi mở vấn đáp

* **Mục tiêu:** Phương pháp này sử dụng một hệ thống câu hỏi để dẫn dắt, gợi mở cho học sinh luyện nói.

* **Cách thực hiện:** Giáo viên tổ chức dạy học bằng các phương pháp như sau:

Yêu cầu học sinh quan sát tranh minh họa trong sách giáo khoa (kết hợp phương pháp trực quan). Giáo viên đặt câu hỏi, Học sinh trả lời:

Ví dụ: Ở bài 58: ng, ngh (Trang 128, 129 - SGK TV tập 1)

- Yêu cầu HS quan sát tranh đặt câu hỏi phát vấn về lớp học của em.
- Các em nhìn thấy ai? Ở đâu? đang làm gì?. Hãy nói về lớp học của em. (Tên các thầy, cô dạy các môn học, số học sinh trong lớp, số tổ, tên các tổ trưởng, các hoạt động thường ngày trong lớp học...). Minh chứng được thể hiện (hình 7, 8)

Ví dụ: Quạt cho bà ngủ (trang 34) tiếng Việt 1- Tập 2

- Trong tranh vẽ những ai? Bà đang làm gì?
- Em bé đang làm gì? Nét mặt em bé ra sao?
- Em nghĩ gì về bạn nhỏ trong bài thơ? Hình ảnh nào trong tranh cho con biết điều đó?
- Nếu em là bạn nhỏ trong bài em có làm như bạn không? Vì sao?
- Em học tập bạn nhỏ trong bài điều gì?
- Thường xuyên gắn yêu cầu giao tiếp hợp tác cho học sinh trong mọi mối quan hệ: Giữa học sinh với học sinh, giữa học sinh với giáo viên, học sinh với xã hội...

* **Hiệu quả:** Bằng hệ thống câu hỏi trên, học sinh thực hiện quá trình đàm thoại với giáo viên theo nội dung bức tranh. Từ đó, giáo viên có thể chữa lỗi dùng từ, đặt câu, cách diễn đạt cho học sinh, giúp các con rèn luyện kỹ năng nói một cách tự nhiên.

Do đã được chú trọng rèn luyện ngay từ đầu nên đến giai đoạn này năng giao tiếp hợp tác được biểu hiện khá rõ nét ở các con.

2.8. Biện pháp 8: Cách vận dụng phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề.

* **Mục tiêu:** Biện pháp này nhằm hình thành ở học sinh khả năng tư duy giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng, khả năng hợp tác trong đời sống. Trong dạy Tiếng Việt giáo viên chuyển các bài tập nói thành các tình huống có vấn đề học sinh vận dụng những kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

* **Cách thực hiện:**

Ví dụ: “Nói về các con vật con yêu quý”

Giáo viên đưa ra tình huống có vấn đề: Khi nói chuyện với bạn về các con vật, có bạn hỏi con: “Bạn yêu quý con vật nào nhất? Vì sao? ”. Con sẽ nói như thế nào để bạn con cũng yêu quý nó. Học sinh phát hiện vấn đề cần giải quyết: Nói với bạn con vật mình yêu quý để bạn thấy yêu nó. Giáo viên gợi ý để học

sinh tìm cách giải quyết vấn đề: Giáo viên gợi ý học sinh hướng về tên con vật, về những nét đáng yêu của con vật đó. Sau đó, các con suy nghĩ sắp xếp các câu để có được một bài nói về con vật mình yêu thích.

Ví dụ: Khuyến khích con phát biểu (sử dụng câu hỏi để để con có cơ hội nói trước lớp), khi con phát biểu sai giáo viên không được chê mà nên khen ngợi tinh thần của học sinh. Cho học sinh tham gia vào các hoạt động nhóm để các con tự tin hơn, học sinh tự quan sát và sử dụng vốn ngôn ngữ của mình để nói thành đoạn văn ngắn (3 - 5 câu) miêu tả nội dung bức tranh sao cho phù hợp và hay nhất (GV lúc này chỉ đóng vai trò gợi mở học sinh được phát triển tư duy sáng tạo).

* **Hiệu quả:** Do rất chú trọng đến vấn đề xây dựng cho các con kĩ năng hiểu nghĩa từ cũng như kĩ năng sử dụng từ để nói thành câu, liên kết các câu thành đoạn văn nên giờ học Tiếng Việt của tôi rất sôi nổi và sinh động, học sinh yêu thích học môn Tiếng Việt, thích giao tiếp đặc biệt giao tiếp rất văn minh lịch sự.

Tóm lại: Mỗi phương pháp dạy học nêu trên đều có những hiệu quả riêng biệt và tùy theo từng bài cụ thể giáo viên có thể sử dụng những phương pháp khác nhau và kết hợp các phương pháp đó để rèn luyện khả năng tự tin, mạnh dạn cho học sinh. Giáo viên khuyến khích, khích lệ những học sinh rụt rè tham gia nói.

Điều quan trọng hơn cả các hình thức luyện nói là việc giáo viên luôn mẫu mực trong ngôn ngữ – việc giáo viên diễn đạt ngôn ngữ nói một cách dễ hiểu, ngắn gọn, xúc tích chính là yếu tố đầu tiên quyết định giúp trẻ trau dồi khả năng giao tiếp của mình. Cũng chính về lịch thiệp, dịu dàng và chuẩn mực trong lời nói của cô luôn là dấu ấn khó phai đối với trẻ lớp 1.

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến.

Qua một số phương pháp đặc biệt là phương pháp hoạt động nhóm đã nêu ở trên, tôi đã thu được những kết quả khả quan trong dạy học. Đa số học sinh trong lớp có khả năng giao tiếp và hợp tác với mọi người xung quanh rất tốt. Hầu hết học sinh đều biết sử dụng lời nói biểu cảm để bày tỏ suy nghĩ và ý kiến của mình trước tập thể mà không e dè, sợ hãi nữa. Trong giờ Tiếng Việt nói riêng cũng như tất cả các giờ học trên lớp, học sinh đã biết trả lời các câu hỏi của giáo viên với nội dung đầy đủ ý nghĩa, biết cách trả lời câu hỏi một cách rõ ràng, trả lời cả câu. Việc giao tiếp với bạn bè, thầy cô và mọi người trong lớp cũng như ngoài xã hội trở nên cởi mở, tự tin hơn rất nhiều.

Thông qua bảng thống kê đối chứng sau, chúng ta sẽ thấy rất rõ điều này:

	Mức độ Số Trẻ điều tra	Giao tiếp và hợp tác rất tốt		Giao tiếp và hợp tác khá tốt		Biết giao tiếp và hợp tác		Giao tiếp và hợp tác còn hạn chế	
		Sl	%	Sl	%	Sl	%	Sl	%
Bắt đầu vào lớp 1	31	3	9,7	7	22,6	9	29	12	38,7
Cuối HK 2	31	9	29	17	54,9	4	12,9	1	3,2
So với ban đầu	Tăng	6	19,4	10	32,3				
	Giảm					5	16,1	11	35,5

4. Hiệu quả của sáng kiến

4.1. Hiệu quả về khoa học

Năng lực giao tiếp và hợp tác tốt sẽ giúp học sinh tương trợ lẫn nhau trong quá trình học tập. Đây là việc làm hết sức bổ ích và mang tính khả quan. Như ta từng nói: “Học thầy không tày học bạn”. Sự phấn khích trong quá trình học tập, đua thầy, đua bạn sẽ giúp trẻ mạnh dạn năng động hơn rất nhiều trong quá trình rèn nói. Sự cổ vũ động viên của các bạn trong nhóm, trong tổ sẽ giúp trẻ tự tin hơn trước lời phát biểu của mình.

4.2. Hiệu quả về kinh tế

Mỗi phương pháp dạy học nêu trên đều có những hiệu quả riêng biệt và tùy theo từng bài cụ thể giáo viên có thể sử dụng những phương pháp khác nhau, và kết hợp các phương pháp đó để rèn luyện khả năng tự tin, mạnh dạn cho học sinh mà không hề tốn kém một chút gì về kinh tế.

4.3. Hiệu quả về xã hội

- GV tìm ra những biện pháp phù hợp nhằm giúp trẻ phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua các tiết Tiếng Việt. Trước tiên sẽ giúp học sinh có kỹ năng giao tiếp phù hợp, tiếp đó là rèn những kỹ năng, thói quen dùng lời nói biểu cảm trong giao tiếp, hợp tác nhằm giúp HS phát huy tối đa năng lực cá nhân.

- Giúp học sinh thêm yêu thích môn Tiếng Việt - Học sinh mạnh dạn trong giao tiếp, hợp tác với bạn bè nói chung và có ý thức tự phê, tự sửa chữa, tự

đánh giá. Học sinh có kĩ năng trong giao tiếp và hợp tác tốt nâng cao tính tự giác trong học tập.

- Nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Việt lớp 1 theo hướng phát triển năng lực cho học sinh.

- Giúp học sinh có lời nói hay, cử chỉ đẹp và thể hiện nếp sống thanh lịch văn minh. Và hơn thế nữa giáo dục các em biết giữ gìn và phát huy sự trong sáng của Tiếng Việt.

5. Đánh giá về tính mới và khả thi.

Đề tài: “Một số giải pháp giúp học sinh lớp Một phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác tốt qua môn Tiếng Việt” có tính khả thi rất cao bởi:

- Xuất phát từ nhu cầu cực kì cấp bách trong thực tế xã hội.
- Tất cả các biện pháp mà tôi đưa ra đều rất dễ thực hiện, không hề tốn kém một chút kinh phí nào, chỉ cần giáo viên có ý thức trách nhiệm cao, có tâm với nghề nói riêng và với cộng đồng xã hội nói chung thì bất kì một đồng chí giáo viên nào cũng có thể thực hiện theo đề tài này và đạt kết quả cao.
- Khi học sinh được giáo viên quan tâm khích lệ động viên kịp thời, các con sẽ rất tự tin trong giao tiếp và hợp tác. Qua đó sẽ giúp các con phát huy được hết khả năng của mình, tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai.

6. Phạm vi ảnh hưởng của giải pháp.

Đề tài đã đi sâu nghiên cứu về các biện pháp giúp phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác tốt qua môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 và đã được thực nghiệm tại lớp 1A Trường Tiểu học Phong Vân.

Phạm vi áp dụng của sáng kiến này tương đối rộng. Sáng kiến có thể triển khai áp dụng không chỉ đối với học sinh lớp 1 mà còn có thể áp dụng trong dạy học ở tất cả các môn học ở các lớp 2, 3, 4, 5.

Tôi hi vọng sáng kiến sẽ được đồng nghiệp nghiên cứu và vận dụng vào dạy học tại các lớp ở Trường Tiểu học Phong Vân và các trường bạn.

III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Khi bắt đầu vào học lớp 1 một số trẻ nói năng ấp úng, cọc lóc, thiếu mạch lạc còn chiếm tỉ lệ tương đối cao. Số trẻ nói chưa mạch lạc có ảnh hưởng đến sự phát huy tính tích cực hoạt động của trẻ, có trở ngại nhất định trong việc tiếp thu tri thức mới không? Dĩ nhiên khả năng ngôn ngữ kém như vậy sẽ ảnh hưởng đến tâm lí và quá trình học tập của trẻ. Nhưng nếu người giáo viên biết kết hợp khéo léo, kiên trì giữa phần luyện nói của môn Tiếng Việt cũng như các môn học khác thì sẽ hạn chế rất nhiều tình trạng thiếu mạch lạc trong ngôn ngữ

của trẻ. Giao tiếp và hợp tác là một nội dung giáo dục quan trọng nhất mà toàn xã hội quan tâm và hướng tới. Nó giúp học sinh trau dồi diễn đạt ngôn ngữ. Tuy nhiên, học sinh lớp 1, khả năng ngôn ngữ còn hạn chế, vốn sống, vốn kinh nghiệm còn ít. Mà thực tế giảng dạy đã chứng minh rằng trẻ nói năng chưa mạch lạc không phải vì khả năng nhận thức của trẻ kém, cũng không phải vì tư duy của trẻ không mạch lạc. Mà vì trẻ thiếu các hình thức khẩu ngữ mang tính chuẩn mực, các hình thức khẩu ngữ phong phú do người lớn cung cấp và quan trọng hơn nữa là trẻ không có điều kiện để luyện tập ngôn ngữ. Bởi vì ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ mạch lạc nói riêng không phải là chức năng bẩm sinh của con người mà nó được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của từng cá thể. Trong quá trình phát triển đó tốc độ diễn ra nhanh hay chậm, hiệu quả phát triển cao hay thấp phụ thuộc vào tính tích cực của từng cá nhân.

- Vì thế giáo viên nên: Kích thích nhu cầu nói năng của học sinh bằng cách sử dụng trực quan, tạo tình huống giao tiếp phù hợp, động viên học sinh tham gia tích cực khi luyện nói và tạo cơ hội cho học sinh được nói.

- Giáo viên phải tạo cho học sinh hoàn cảnh giao tiếp tốt. Đó là điều kiện trong lớp học ở thời điểm luyện nói. Giáo viên cần giáo dục cho học sinh trong lớp biết lắng nghe và có thái độ đúng khi nghe bạn nói. Giáo viên là người động viên, khích lệ kịp thời để học sinh phấn khởi tự tin khi nói.

- Giáo viên cần giúp học sinh giữ được bình tĩnh khi nói, tự tin và chú ý đến thái độ của người nghe trong khi mình nói.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng ngữ điệu phù hợp khi nói, tránh lối nói như đọc thuộc lòng Ánh mắt cử chỉ phải phù hợp với lời nói.

- Không được ngắt lời học sinh khi các con đang nói.

- Đối với những đề tài khó nói, giáo viên nên có hệ thống câu hỏi hướng dẫn. Đối với những câu hỏi trong sách giáo khoa chưa hợp lí, giáo viên nên mạnh dạn thay đổi hệ thống câu hỏi khác cho phù hợp hơn.

- Nên vận dụng những phương pháp dạy học tích cực để dạy học sinh.

Vì vậy để nâng cao chất lượng hiệu quả lời nói mạch lạc cho trẻ lớp 1, đòi hỏi người lớn (cha mẹ, anh chị ...) đóng vai trò vô cùng quan trọng. Đặc biệt là giáo viên cần cung cấp cho trẻ các hình thức khẩu ngữ phù hợp với lứa tuổi, tổ chức hướng dẫn trẻ tham gia tích cực vào hoạt động lời nói. Tạo điều kiện cho trẻ luyện tập ngôn ngữ. Có như vậy lời nói mạch lạc nói riêng và ngôn ngữ mạch lạc nói chung của trẻ mới phát triển.

2. Đề xuất, kiến nghị:

Trước thực tế giảng dạy trong nhiều năm, với tư cách là một giáo viên trực tiếp giảng dạy Lớp 1, tôi xin mạnh dạn đưa ra một số đề xuất sau:

- **Đối với nhà trường:** Tăng cường các hoạt động tập thể, ngoại khóa, thăm quan, trải nghiệm. Đồng thời yêu cầu giáo viên xây dựng nội dung các buổi sinh hoạt lớp phong phú đa dạng tạo điều kiện cho học sinh được thể hiện trước đám đông.

- **Đối với giáo viên và người lớn tuổi:**

+ Từ khi trẻ bập bẹ biết nói, những người lớn trong gia đình cần phải luôn lưu tâm uốn nắn lời nói cho con mình. Các cụ đã dạy “Uốn cây từ thuở còn non”. Không những thế người lớn còn là tấm gương cho con trẻ noi theo.

+ Khi trẻ bắt đầu đến trường, thì cùng với gia đình, nhà trường và xã hội cần giáo dục trẻ ngay từ những thói quen trong giao tiếp mạnh dạn tự tin, văn minh lịch sự. Do đó sự phối kết hợp ăn ý nhịp nhàng giữa nhà trường và gia đình là vô cùng quan trọng và cần thiết.

+ Bên cạnh đó, mỗi giáo viên cần dành nhiều thời gian nghiên cứu tài liệu giảng dạy, tăng cường hiệu quả của các giờ sinh hoạt chuyên môn để đưa ra những bài giảng sinh động, hấp dẫn. Ngôn ngữ của giáo viên phải chuẩn mực chính xác, ngắn gọn và trong sáng. Tuyệt đối giáo viên không được chỉ trích học sinh.

-**Đối với học sinh:** Cần phải chăm học, chăm đọc sách, học hỏi bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, luôn rèn nói lời hay cử chỉ đẹp thể hiện nếp sống văn minh.

Trên đây là những việc tôi đã làm và kết quả đã đạt được trong công tác giảng dạy của tôi trong suốt thời gian qua. Đó là những kinh nghiệm nhỏ mà bản thân tôi đã đúc kết được trong thực tế giảng dạy. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của Ban Giám Hiệu, hội đồng khoa học xem xét bổ sung cho sáng kiến kinh nghiệm của tôi ngày càng phong phú hơn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Tôi xin trân trọng cảm ơn !

Phong Vân , ngày 25 tháng 4 năm 2024

Người viết sáng kiến

Hoàng Thị Chín

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học - Lê Phương Nga – Đặng Kim Nga, Nhà xuất bản Giáo Dục, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Giáo trình tâm lí học Tiểu học - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm .
3. Giáo trình dạy và học tích cực một số phương pháp và kĩ thuật dạy học - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
4. Sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 1.
5. Tham khảo tư liệu trên mạng.